

BÁO CÁO TÓM TẮT**Kết quả Chỉ số cải cách hành chính năm 2016 của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương****I. CÔNG TÁC TRIỂN KHAI XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ CCHC NĂM 2016**

Trên cơ sở Quyết định số 4361/QĐ-BNV ngày 28/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt Đề án “Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi tắt là các bộ, các tỉnh), Bộ Nội vụ đã ban hành Quyết định số 4373/QĐ-BNV ngày 29/12/2016 phê duyệt Kế hoạch triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2016 của các bộ, các tỉnh. Trong đó, tập trung hai nội dung chính của xác định Chỉ số cải cách hành chính là tự đánh giá, chấm điểm kết quả cải cách hành chính theo bộ tiêu chí xác định và tổ chức điều tra xã hội học đối với các đối tượng quy định tại Quyết định số 4361/QĐ-BNV.

Thực hiện Quyết định số 4373/QĐ-BNV, Bộ Nội vụ đã tổ chức các hội nghị triển khai xác định Chỉ số CCHC năm 2016. Tiếp theo đó, Bộ Nội vụ đã ban hành Công văn số 41/BNV-CCHC ngày 06/01/2017 về việc hướng dẫn tự đánh giá, chấm điểm để xác định Chỉ số cải cách hành chính cấp bộ và Công văn số 42/BNV-CCHC ngày 06/01/2017 về việc hướng dẫn tự đánh giá, chấm điểm để xác định Chỉ số cải cách hành chính cấp tỉnh. Trên cơ sở các công văn hướng dẫn, các bộ, các tỉnh đã tiến hành tổng hợp kết quả triển khai cải cách hành chính năm 2016 theo các tiêu chí và xây dựng báo cáo tự đánh giá, chấm điểm của các bộ, các tỉnh gửi Bộ Nội vụ theo quy định.

Căn cứ báo cáo của các bộ, các tỉnh, Bộ Nội vụ đã tiến hành rà soát kết quả tự chấm của các bộ, các tỉnh theo đúng nguyên tắc chấm điểm của Quyết định số 4361/QĐ-BNV và các văn bản hướng dẫn, qua đó đánh giá sự phù hợp của việc chấm điểm, mức điểm của các tiêu chí, tính đầy đủ, hợp lý của tài liệu kiểm chứng mà các bộ, các tỉnh đã báo cáo. Trên cơ sở tổng hợp ban đầu kết quả rà soát, Bộ Nội vụ đã ban hành Văn bản số 1798/BNV-CCHC ngày 04/4/2017 về việc rà soát tiêu chí, tiêu chí thành phần tự đánh giá, chấm điểm xác định Chỉ số CCHC năm 2016, trong đó thông báo cho các bộ, các tỉnh kết quả rà soát sơ bộ bước đầu để các bộ, các tỉnh bổ sung tài liệu kiểm chứng và giải trình những tiêu chí chấm điểm chưa phù hợp. Bộ Nội vụ đã phối hợp chặt chẽ và có sự trao đổi kịp thời với các bộ, các tỉnh để bảo đảm sự đồng thuận và đánh giá chính xác kết quả cải cách hành chính theo các tiêu chí đã quy định.

Bộ Nội vụ đã thành lập Hội đồng Thẩm định kết quả xác định Chỉ số cải cách hành chính hàng năm của các bộ, các tỉnh và Tổ Thư ký giúp việc Hội

đồng Thẩm định (Quyết định số 822/QĐ-BNV ngày 14/3/2017), gồm đại diện của các Bộ: Nội vụ, Tư pháp, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Thông tin và Truyền thông và Văn phòng Chính phủ, là những bộ được Chính phủ giao chủ trì thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính trong Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020. Qua đó tăng cường sự phối hợp, phát huy vai trò của các bộ trong đánh giá kết quả cải cách hành chính đối với từng lĩnh vực cải cách cụ thể thuộc trách nhiệm của từng bộ. Việc tổ chức thẩm định nhằm rà soát lại kết quả tự đánh giá, chấm điểm của các bộ, các tỉnh, bảo đảm tăng tính chính xác, khách quan, công bằng trong đánh giá, chấm điểm các tiêu chí thành phần của Chỉ số cải cách hành chính.

Bộ Nội vụ đã tổng hợp và chuyển các tài liệu theo các nội dung đã được phân công cho các thành viên Hội đồng thẩm định, Tổ Thư ký để thực hiện việc rà soát, đánh giá, thẩm định. Tiếp theo, Thường trực Hội đồng thẩm định đã tổ chức các cuộc họp với thành viên Hội đồng thẩm định và thành viên Tổ thư ký của từng bộ, cơ quan để thảo luận và thống nhất cách chấm điểm xác định Chỉ số của các bộ, các tỉnh đối với một số tiêu chí, tiêu chí thành phần còn chưa được hiểu rõ hoặc thiếu thông tin đánh giá. Việc tổ chức thẩm định đã được thực hiện một cách nghiêm túc, có trách nhiệm; theo đó, các kết quả tự đánh giá, chấm điểm của các bộ, các tỉnh đã được rà soát kỹ lưỡng, tỷ mỉ để bảo đảm kết quả đánh giá được chính xác, công bằng giữa các bộ, các tỉnh và tạo được sự thống nhất cao giữa các bộ trong Hội đồng thẩm định. Qua đó, giúp Bộ trưởng Bộ Nội vụ có cơ sở chắc chắn trong việc phê duyệt, công bố kết quả Chỉ số cải cách hành chính của các bộ, các tỉnh.

Về công tác điều tra xã hội học, Bộ Nội vụ đã ban hành Kế hoạch điều tra xã hội học phục vụ xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2016 tại Quyết định số 59/QĐ-BNV ngày 12/01/2017 và tổ chức các Hội nghị tập huấn điều tra xã hội học cho các bộ, các tỉnh. Viện Khoa học Tổ chức Nhà nước Bộ Nội vụ đã phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ các bộ, cơ quan ngang bộ, Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để triển khai thực hiện điều tra xã hội học phục vụ xác định Chỉ số CCHC năm 2016. Quá trình tổ chức điều tra xã hội học được tiến hành nghiêm túc, bảo đảm đúng đối tượng, thời gian, số lượng mẫu điều tra và có sự giám sát của Bộ Nội vụ trong tất cả các khâu từ hướng dẫn, phát phiếu điều tra, tổng hợp phiếu và phân tích kết quả điều tra xã hội học.

Trên cơ sở tổng hợp kết quả điểm thẩm định và điểm điều tra xã hội học, Bộ Nội vụ đã tiến hành phân tích, xây dựng báo cáo và thông qua Hội đồng thẩm định. Trên cơ sở thống nhất, đề xuất của Hội đồng thẩm định, Bộ Nội vụ đã ban hành Quyết định số 1868/QĐ-BNV ngày 26/5/2017 về việc phê duyệt và công bố Chỉ số cải cách hành chính năm 2016 của các bộ, các tỉnh.

Sau đây, Bộ Nội vụ xin báo cáo tóm tắt kết quả Chỉ số CCHC năm 2016 của các bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương như sau:

II. KẾT QUẢ CHỈ SỐ CCHC NĂM 2016

1. Chỉ số cải cách hành chính năm 2016 của các bộ, cơ quan ngang bộ

1.1 Chỉ số tổng hợp (Par Index 2016)

Xếp hạng	Các bộ, cơ quan ngang bộ	Điểm thẩm định	Đánh giá tác động của CCHC	Chỉ số CCHC – PAR INDEX 2016
1.	Ngân hàng Nhà nước Việt nam	57.50	35.18	92.68
2.	Bộ Tài chính	53.25	34.02	87.27
3.	Bộ Khoa học và Công nghệ	55.50	31.04	86.54
4.	Bộ Giao thông Vận tải	51.00	33.48	84.48
5.	Bộ Thông tin và Truyền thông	52.50	31.52	84.02
6.	Bộ Tư pháp	52.00	30.90	82.90
7.	Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch	50.00	31.57	81.57
8.	Bộ Ngoại giao	49.00	31.85	80.85
9.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	48.50	32.09	80.59
10.	Bộ Nội vụ	52.25	27.69	79.94
11.	Bộ Y tế	49.00	30.69	79.69
12.	Bộ Công Thương	49.00	30.17	79.17
13.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	49.00	30.12	79.12
14.	Bộ Xây dựng	46.00	33.11	79.11
15.	Bộ Giáo dục và Đào tạo	48.25	30.14	78.39
16.	Bộ Tài nguyên và Môi trường	49.50	27.97	77.47
17.	Ủy ban Dân tộc	46.75	29.45	76.20
18.	Thanh tra Chính phủ	45.00	31.03	76.03
19.	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	43.00	28.91	71.91
			Trung bình	80.94

Kết quả Chỉ số CCHC năm 2016 của các bộ chia thành 2 nhóm:

- Nhóm thứ nhất, đạt kết quả Chỉ số CCHC trên 80%, bao gồm 9 bộ: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Bộ Tài chính; Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Giao thông vận tải; Bộ Thông tin và Truyền thông; Bộ Tư pháp; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Ngoại giao; Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Nhóm thứ hai, đạt kết quả Chỉ số CCHC từ trên 70% đến dưới 80%, gồm

10 bộ: Bộ Nội vụ; Bộ Y tế; Bộ Công Thương; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ Xây dựng; Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Tài nguyên và Môi trường; Ủy ban Dân tộc; Thanh tra Chính phủ; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Giá trị trung bình Chỉ số cải cách hành chính của 19 bộ, cơ quan ngang bộ đạt được là 80.94%. Không có Bộ nào có kết quả Chỉ số CCHC dưới 70%. Có 8 bộ có Chỉ số CCHC năm 2016 trên mức giá trị trung bình đạt được của 19 bộ. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đạt Chỉ số CCHC năm 2016 cao nhất với kết quả là 92.68%. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có kết quả Chỉ số CCHC thấp nhất với giá trị 71.91%. Khoảng cách giữa Bộ đạt Chỉ số CCHC năm 2016 cao nhất (Ngân hàng Nhà nước Việt Nam) với Bộ có kết quả Chỉ số CCHC năm 2016 thấp nhất (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội) là 20.77%.

1.2. Các chỉ số thành phần

- Các chỉ số đánh giá kết quả thực hiện cải cách hành chính của Bộ:

Giá trị trung bình của các chỉ số thành phần theo từng lĩnh vực đã phản ánh kết quả đạt được của 19 bộ, cơ quan ngang bộ trong triển khai từng nội dung cải cách hành chính. Có 2 Chỉ số thành phần đạt giá trị trung bình trên 90%, là: Lĩnh vực cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước và Lĩnh vực cải cách tài chính công. Các lĩnh vực: Xây dựng và tổ chức thực hiện thể chế thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ; cải cách thủ tục hành chính; xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức và đánh giá tác động của cải cách hành chính có giá trị trung bình trên 80%.

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Bộ Tư pháp; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Ủy ban Dân tộc và Bộ Giao thông vận tải là 5 đơn vị đứng đầu Chỉ số thành phần cải cách thủ tục hành chính, đạt kết quả 100%. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là đơn vị đứng cuối Chỉ số thành phần cải cách thủ tục hành chính, với kết quả là 61.90%.

Tại lĩnh vực xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức, Bộ Nội vụ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là 02 đơn vị dẫn đầu, cùng đạt 100% số điểm ở lĩnh vực này. Bộ Xây dựng xếp ở vị trí cuối cùng đạt Chỉ số thành phần 57.14%.

Công tác chỉ đạo điều hành cải cách hành chính có giá trị trung bình 72.93%. Bộ Tài chính; Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Thông tin và Truyền thông cùng có kết quả 85.71% xếp vị trí thứ nhất lĩnh vực Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính. Trong khi đó, Thanh tra Chính phủ và Bộ Kế hoạch và Đầu tư là 2 bộ có kết quả thấp nhất, cùng có Chỉ số thành phần 57.14%.

Lĩnh vực Hiện đại hóa hành chính có kết quả thấp nhất trong số 8 lĩnh vực của Chỉ số CCHC, với giá trị trung bình 61.15%. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đạt chỉ số thành phần hiện đại hóa hành chính cao nhất 90.48%. Trong khi đó, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có Chỉ số thành phần Hiện đại hóa hành chính thấp nhất với kết quả là 28.57%.

- Các chỉ số đánh giá tác động của cải cách hành chính:

Giá trị trung bình của Chỉ số đánh giá tác động của cải cách hành chính mà các bộ đạt được là 81.84%. Có 8 bộ đạt Chỉ số đánh giá tác động của cải cách hành chính trên mức trung bình. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có số điểm 35.18/38 điểm, đạt Chỉ số đánh giá tác động của cải cách hành chính 92.58%, là đơn vị dẫn đầu trong số 19 bộ, cơ quan ngang bộ. Đồng thời, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cũng là đơn vị đạt được tỷ lệ điểm số cao nhất ở 5/6 nội dung tác động. Trong khi đó, Bộ Nội vụ là đơn vị có số điểm đánh giá tác động của cải cách hành chính thấp nhất là 27.69 điểm, đạt Chỉ số đánh giá tác động của cải cách hành chính là 72.86%. Ngoài ra, có 6 bộ khác có Chỉ số đánh giá tác động thấp dưới 80%, bao gồm: Bộ Công Thương (79.38%); Bộ Giáo dục và Đào tạo (79.31%); Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (79.25%); Ủy ban Dân tộc (77.49%); Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (76.09%) và Bộ Tài nguyên và Môi trường (73.60%). Bộ Tài chính và Bộ Giao thông vận tải xếp vị trí thứ 2 và thứ 3 tại Chỉ số đánh giá tác động của cải cách hành chính với giá trị lần lượt là 89.52% và 88.12%. Đây cũng là những bộ đạt Chỉ số CCHC năm 2016 cao trong số 19 bộ (Bộ Tài chính xếp vị trí thứ 2 và Bộ Giao thông vận tải xếp vị trí thứ 4 của Chỉ số CCHC năm 2016).

Cụ thể đối với từng nhóm nội dung tác động: Trong số 6 nhóm tác động của cải cách hành chính có 5 nhóm nội dung có giá trị trung bình trên 80% bao gồm: “Tác động đến chất lượng quy định thủ tục hành chính” (80.22%); “tác động đến tổ chức bộ máy hành chính” (83.42%); “tác động đến chất lượng đội ngũ công chức của bộ” (81.07%); “tác động đến quản lý tài chính công” (88.35%); “tác động đến hiện đại hóa hành chính” (83.09%). Nội dung “Tác động đến thể chế, cơ chế chính sách thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ” có giá trị trung bình thấp nhất với kết quả 78.54%. Hầu hết các bộ đạt được tỷ lệ điểm số tại các nội dung tác động của cải cách hành chính trong khoảng từ 60% đến trên 90%.

2. Chỉ số cải cách hành chính năm 2016 của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

2.1. Chỉ số tổng hợp (Par Index 2016)

Xếp hạng	Các tỉnh, thành phố	Điểm đánh giá kết quả thực hiện CCHC	Điểm đánh giá tác động của CCHC	Chỉ số tổng hợp (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)+(4)/97.5
1	Đà Nẵng	54.75	33.31	90.32
2	Hải Phòng	52.00	33.06	87.24
3	Hà Nội	54.50	28.60	85.23

Xếp hạng	Các tỉnh, thành phố	Điểm đánh giá kết quả thực hiện CCHC	Điểm đánh giá tác động của CCHC	Chỉ số tổng hợp (%)
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>	<i>(4)</i>	<i>(5)=((3)+(4))/97.5</i>
4	Đồng Nai	49.25	33.74	85.12
5	Bình Dương	49.25	32.98	84.34
6	Quảng Ninh	49.50	31.16	82.73
7	Đồng Tháp	50.25	29.11	81.39¹
8	Vĩnh Phúc	48.00	31.36	81.39²
9	Bắc Ninh	49.25	30.03	81.31
10	Thừa Thiên Huế	47.75	31.46	81.24
11	Ninh Bình	48.50	30.68	81.21
12	Khánh Hòa	51.00	27.82	80.84
13	Bắc Giang	47.50	30.80	80.31
14	Quảng Trị	47.25	30.78	80.03
15	TP. Hồ Chí Minh	49.00	28.93	79.93
16	Cần Thơ	48.00	29.25	79.23
17	Hà Tĩnh	49.00	27.97	78.95
18	Bình Thuận	48.75	28.00	78.72
19	Ninh Thuận	50.25	25.87	78.07
20	Phú Yên	48.25	27.23	77.41
21	Phú Thọ	41.50	33.90	77.33
22	Tuyên Quang	47.50	27.85	77.28
23	Hà Nam	46.75	28.15	76.82
24	Thái Bình	46.50	28.00	76.41
25	Gia Lai	45.75	28.39	76.04
26	Đắk Lắk	44.75	28.67	75.30
27	Lào Cai	46.25	27.15	75.28
28	Hà Giang	45.00	28.32	75.20
29	Bà Rịa - Vũng Tàu	44.75	28.49	75.12

¹ Giá trị tuyệt đối là: 81.38994%.

² Giá trị tuyệt đối là: 81.38982%.

Xếp hạng	Các tỉnh, thành phố	Điểm đánh giá kết quả thực hiện CCHC	Điểm đánh giá tác động của CCHC	Chỉ số tổng hợp (%)
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>	<i>(4)</i>	<i>(5)=((3)+(4))/97.5</i>
30	Long An	41.75	31.14	74.76
31	Hung Yên	42.25	29.70	73.80
32	Quảng Nam	42.50	29.32	73.66
33	Sơn La	44.50	27.28	73.62
34	Vĩnh Long	42.75	28.65	73.23
35	Thanh Hóa	41.00	30.24	73.07
36	An Giang	43.00	28.07	72.89
37	Hòa Bình	44.00	27.06	72.88
38	Nghệ An	44.00	26.93	72.75
39	Tiền Giang	42.00	28.61	72.42
40	Nam Định	42.50	27.96	72.27
41	Bình Định	40.25	30.11	72.17
42	Điện Biên	41.00	29.18	71.98
43	Quảng Bình	43.00	26.58	71.37
44	Tây Ninh	43.50	26.02	71.30
45	Bạc Liêu	40.75	28.60	71.12
46	Kiên Giang	41.75	27.53	71.06
47	Bến Tre	42.25	26.46	70.47
48	Lâm Đồng	41.00	27.42	70.17
49	Sóc Trăng	39.75	28.45	69.95
50	Cà Mau	42.25	25.75	69.75
51	Hải Dương	39.75	28.24	69.74
52	Lạng Sơn	38.75	29.12	69.61
53	Lai Châu	37.75	29.66	69.14
54	Thái Nguyên	42.75	24.55	69.03
55	Đắk Nông	40.75	25.68	68.14
56	Yên Bái	40.25	25.83	67.78

Xếp hạng	Các tỉnh, thành phố	Điểm đánh giá kết quả thực hiện CCHC	Điểm đánh giá tác động của CCHC	Chỉ số tổng hợp (%)
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>	<i>(4)</i>	<i>(5)=((3)+(4))/97.5</i>
57	Bình Phước	39.75	26.10	67.54
58	Kon Tum	40.75	23.83	66.24
59	Quảng Ngãi	38.50	26.04	66.19
60	Bắc Kạn	39.25	24.24	65.12
61	Trà Vinh	35.50	26.85	63.95
62	Cao Bằng	38.00	23.39	62.97
63	Hậu Giang	31.00	29.98	62.55
		Trung bình		74.64

Theo kết quả đánh giá, Chỉ số CCHC năm 2016 của các tỉnh, thành phố có giá trị trung bình đạt 74,64%; trong đó, có 30/63 đơn vị đạt kết quả trên giá trị trung bình. Kết quả Chỉ số CCHC năm 2016 được chia thành 4 nhóm, cụ thể: Nhóm A, có Chỉ số CCHC trên 90%; Nhóm B: từ 80% đến dưới 90%; Nhóm C: từ 70% đến dưới 80% và Nhóm D: Chỉ số CCHC dưới 70%.

Thành phố Đà Nẵng tiếp tục là địa phương đứng đầu bảng xếp hạng Chỉ số CCHC năm 2016 với kết quả Chỉ số đạt được là 90,32% và cũng là địa phương duy nhất có kết quả Chỉ số thuộc nhóm A. Các địa phương thuộc nhóm B, bao gồm 13 đơn vị, xếp hạng từ vị trí thứ 2 đến vị trí thứ 14. Có 33 tỉnh, thành phố nằm trong nhóm C, bao gồm các đơn vị xếp hạng từ vị trí thứ 15 đến vị trí thứ 47. Cuối cùng là nhóm D, gồm 16 tỉnh, thành phố, xếp hạng từ vị trí thứ 48 đến vị trí thứ 63. Trong số đó, Hậu Giang là địa phương có Chỉ số CCHC năm 2016 đứng cuối bảng xếp hạng, đạt 62,55%, thấp hơn 27,77% so với vị trí dẫn đầu. Bên cạnh đó, số liệu thống kê cho thấy, phần lớn các tỉnh, thành phố đạt điểm cao về kết quả triển khai thực hiện nhiệm vụ CCHC trong năm 2016 đều có kết quả Chỉ số đánh giá tác động khá cao. Điển hình như: Đà Nẵng, Đồng Tháp, Hải Phòng, Đồng Nai, Bình Dương... Ngược lại, đa số những địa phương chưa thực hiện tốt nhiệm vụ cải cách hành chính đều nhận được điểm đánh giá tác động thấp so với mặt bằng chung của các tỉnh, thành phố. Ví dụ như: Thái Nguyên, Đắk Nông, Bình Phước, Cao Bằng... Tuy vậy, vẫn có những địa phương đạt điểm cao trong triển khai nhiệm vụ cải cách hành chính, nhưng có kết quả điểm đánh giá tác động thấp so với mặt bằng chung, như: Khánh Hòa, Ninh Thuận, Hà Nội, Hà Tĩnh...

2.2. Chỉ số thành phần

- Các chỉ số thành phần đánh giá kết quả thực hiện cải cách hành

chính của tỉnh:

Trong số 08 lĩnh vực đánh giá, cải cách tổ chức bộ máy hành chính là lĩnh vực có kết quả Chỉ số thành phần có giá trị trung bình cao nhất, đạt 91,51%. Tiếp theo là giá trị trung bình của các Chỉ số thành phần: Xây dựng và tổ chức thực hiện VBQPPL tại tỉnh, đạt 86,99%. Có 06 địa phương đạt điểm số tối đa trong Chỉ số thành phần này đó là: Bắc Giang, Hà Nội, Quảng Nam, Đồng Tháp và Trà Vinh; 04 địa phương đứng cuối có kết quả Chỉ số thành phần xây dựng và tổ chức thực hiện VBQPPL đạt dưới 70%, trong đó Hải Dương là địa phương có kết quả thấp nhất, chỉ đạt 60%.

Cải cách thủ tục hành chính, đạt giá trị trung bình 82,98%. Có 09/63 địa phương đạt tỷ lệ điểm tối đa ở Chỉ số thành phần Cải cách thủ tục hành chính, gồm có: Đà Nẵng, Hà Nội, Phú Yên, Lạng Sơn, Hải Phòng, Quảng Ninh, Tuyên Quang, Bắc Giang, Thái Nguyên. 02 địa phương có kết quả Chỉ số thành phần Cải cách thủ tục hành chính thấp nhất trong năm 2016 là Hải Dương và Hậu Giang, cùng đạt 58,33%.

Cải cách tài chính công, đạt giá trị trung bình 75,10%. Có 08 tỉnh, thành phố cùng đứng vị trí thứ nhất trên bảng xếp hạng với tỷ lệ điểm đạt được là 100%. Trong nhóm 05 địa phương xếp cuối đều chỉ đạt tỷ lệ điểm dưới 40% thì Lào Cai là địa phương có kết quả thấp nhất với tỷ lệ điểm là 25%.

Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính, đạt giá trị trung bình 74,79%. Theo thống kê, 18 tỉnh, thành phố đứng đầu về Chỉ số thành phần công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính đều đạt 88,24%, cao gấp 3,7 lần so với địa phương đứng cuối là Quảng Ngãi, chỉ đạt 23,53%.

Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông, đạt giá trị trung bình 69,84%. Đứng đầu lĩnh vực này là tỉnh Bắc Ninh với kết quả đạt 96,88%, trong khi đó, Cao Bằng là đơn vị có kết quả thấp nhất với tỷ lệ điểm đánh giá chỉ đạt 6,25%, kém hơn 15 lần so với đơn vị dẫn đầu.

Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đạt giá trị trung bình 63,87%. Ninh Bình là địa phương được đánh giá cao nhất với tỷ lệ điểm đạt được là 89,47%, trong đó Trà Vinh và Cà Mau là hai tỉnh đứng cuối, cùng đạt tỷ lệ điểm đánh giá là 42,11%.

Lĩnh vực Hiện đại hóa hành chính có giá trị trung bình thấp nhất với kết quả đạt 37,11%. Đà Nẵng là đơn vị dẫn đầu về Chỉ số thành phần này với tỷ lệ điểm đạt 77,78%, đơn vị đứng cuối bảng xếp hạng là tỉnh Lai Châu chỉ đạt tỷ lệ điểm là 5,56%.

- Chỉ số thành phần đánh giá tác động của cải cách hành chính:

Theo kết quả đánh giá, Chỉ số đánh giá tác động của CCHC tại các tỉnh, thành phố có giá trị trung bình là 80,29%. Trong đó, 29/63 địa phương đạt kết quả Chỉ số trên giá trị trung bình. Tỉnh Phú Thọ là địa phương dẫn đầu về kết quả Chỉ số Đánh giá tác động của cải cách hành chính, đạt 95,50%. 04 đơn vị khác có kết quả Chỉ số tác động đạt trên 90% là Đồng Nai, Đà Nẵng, Hải Phòng,

Bình Dương. Trong khi đó, 04 địa phương đứng cuối Chỉ số này đều có kết quả đạt dưới 70%; Cao Bằng là đơn vị có Chỉ số tác động thấp nhất với tỷ lệ điểm đánh giá chỉ đạt 65,89%.

Kết quả đánh giá tác động của cải cách hành chính theo 08 nhóm tác động cho thấy, trong năm 2016, nhóm tác động của CCHC đến tình hình giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) cho người dân, tổ chức có tỷ lệ điểm trung bình cao nhất, đạt 85,77%. Kết quả đánh giá tác động của CCHC đến đội ngũ công chức giải quyết TTHC có tỷ lệ điểm trung bình khá cao, đạt 82,92%, xếp ở vị trí thứ 2/8 nhóm tác động. Tuy vậy, chất lượng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công lập chưa được đánh giá cao, nhất là đối với dịch vụ sự nghiệp y tế công lập và dịch vụ giáo dục công lập. Điều này thể hiện ở kết quả đánh giá chất lượng 02 loại dịch vụ trên vẫn còn ở mức khá thấp, chỉ đạt tỷ lệ điểm 72,37%.

III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Nhận xét, đánh giá

1.1. Ưu điểm

- Các bộ, các tỉnh đã nghiêm túc triển khai công tác tự đánh giá, chấm điểm và kịp thời gửi kết quả về Bộ Nội vụ. Việc chấm điểm các tiêu chí dựa trên các căn cứ, tài liệu kiểm chứng bảo đảm độ tin cậy cao, có sự phối hợp chặt chẽ, kịp thời của Bộ Nội vụ với các bộ, các tỉnh, tạo sự đồng thuận, thống nhất trong đánh giá. Công tác thẩm định được tổ chức nghiêm túc, phát huy được sự tham gia, phối hợp của các bộ trong đánh giá kết quả CCHC, bảo đảm việc đánh giá, chấm điểm các bộ, các tỉnh một cách khách quan, công bằng. Kết quả đánh giá đã có sự đồng thuận, thống nhất cao trong Hội đồng thẩm định.

- Công tác điều tra xã hội học để lấy ý kiến đánh giá của các nhóm đối tượng khác nhau về kết quả cải cách hành chính của các bộ, các tỉnh phục vụ cho việc tính toán Chỉ số CCHC được tổ chức chặt chẽ, hệ thống. Sự đổi mới, tăng cường công tác theo dõi, giám sát của Bộ Nội vụ và các bộ ngành, địa phương đối với quá trình tổ chức điều tra xã hội học đã góp phần làm cho kết quả điều tra xã hội học đạt được có tính khách quan, sát với thực tế hơn.

- Công tác tổ chức tổng hợp, xử lý các phiếu điều tra xã hội học được thực hiện một cách nghiêm túc, khẩn trương và bảo đảm tính chính xác.

1.2. Tồn tại, hạn chế

- Một số bộ, tỉnh vẫn chưa thực sự quan tâm đến triển khai các nội dung cải cách hành chính. Chỉ số CCHC vẫn chưa được coi là công cụ trong quản lý công tác cải cách hành chính, do vậy chưa có sự quan tâm chỉ đạo kịp thời để chấn chỉnh, cải thiện những điểm còn hạn chế, yếu kém được chỉ ra trong Chỉ số CCHC hàng năm.

- Việc phối hợp giữa các cơ quan tham mưu cải cách hành chính và các cơ quan liên quan trong bộ, tỉnh chưa chặt chẽ, thường xuyên nên ảnh hưởng đến công tác tổng hợp, thu thập số liệu để tự chấm điểm cho các tiêu chí, tiêu chí thành phần của Chỉ số CCHC.

- Một số bộ, tỉnh tự đánh giá chấm điểm thiếu chính xác nên sau khi rà soát, thẩm định đã có sự chênh lệch lớn giữa điểm tự chấm và điểm đánh giá của Bộ Nội vụ. Một số bộ, tỉnh triển khai chậm so với quy định, báo cáo tự đánh giá, chấm điểm sơ sài, không theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ và thiếu các tài liệu kiểm chứng, do đó phải yêu cầu bổ sung tài liệu và hoàn thiện lại báo cáo nên ảnh hưởng đến tiến độ thời gian.

- Hệ thống thông tin quản lý của các bộ, ngành còn thiếu, dẫn đến thiếu số liệu thống kê khi triển khai công tác theo dõi, đánh giá đối với những lĩnh vực do bộ, cơ quan phụ trách.

- Công tác giám sát, kiểm tra việc tổ chức điều tra xã hội học ở các bộ, tỉnh còn hạn chế.

2. Đề xuất, kiến nghị

2.1. Với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

- Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tiếp tục chỉ đạo các bộ, ngành và địa phương nghiêm túc thực hiện các nội dung, yêu cầu, trách nhiệm triển khai xác định Chỉ số CCHC và sử dụng hiệu quả kết quả Chỉ số CCHC hàng năm trong công tác chỉ đạo, điều hành, theo dõi, đánh giá cải cách hành chính. Đưa nội dung Chỉ số cải cách hành chính là một trong những nội dung làm việc và kiểm tra về cải cách hành chính của Lãnh đạo Chính phủ.

- Chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương quan tâm bố trí kinh phí phù hợp để thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính.

2.2. Với các bộ, ngành và địa phương

- Đề nghị các bộ, các tỉnh căn cứ vào Chỉ số CCHC năm 2016 tổ chức triển khai phổ biến, tuyên truyền về kết quả Chỉ số CCHC trong phạm vi bộ, ngành, địa phương để nâng cao trách nhiệm của các cấp các ngành, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong cải cách hành chính và việc xác định Chỉ số CCHC hàng năm. Tổ chức hội nghị đánh giá, rút kinh nghiệm về quá trình triển khai và kết quả Chỉ số CCHC năm 2016, trên cơ sở đó, đề xuất các giải pháp, biện pháp cần thiết trong xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch cải cách hành chính hàng năm để nâng cao chất lượng, hiệu quả triển khai cải cách hành chính, qua đó duy trì hoặc cải thiện Chỉ số CCHC của mình.

- Đề nghị các bộ, các tỉnh quan tâm, phối hợp chặt chẽ hơn với Bộ Nội vụ trong triển khai kế hoạch xác định Chỉ số CCHC hàng năm để kết quả Chỉ số CCHC được xác định chính xác, khách quan và được công bố đúng thời gian quy định. Tổ chức tự đánh giá, chấm điểm nghiêm túc, thực chất hơn, để kết quả điểm khách quan, chính xác, sát với tình hình triển khai và kết quả đạt được trong cải cách hành chính. Kịp thời rà soát, phản ánh, kiến nghị với Bộ Nội vụ những vấn đề chưa hợp lý về nội dung, phương pháp xác định Chỉ số CCHC để nghiên cứu, điều chỉnh cho phù hợp.

- Các bộ, ngành, địa phương tăng cường công tác quản lý nhà nước, chú trọng công tác theo dõi, đánh giá, tổng hợp, thông kê, xây dựng cơ sở dữ liệu

quản lý trên từng lĩnh vực một cách thống nhất, chính xác, khách quan, cập nhật thường xuyên, phục vụ cho công tác quản lý nhà nước nói chung, công tác xác định Chỉ số CCHC hàng năm, nói riêng.

- Tiếp tục nghiên cứu, cải tiến phương pháp điều tra xã hội học, tăng cường giám sát đối với công tác điều tra xã hội học tại các bộ, ngành, địa phương để bảo đảm kết quả khách quan, trung thực, phản ánh đúng thực tế.

- Trong thời gian tới, tiếp tục phối hợp với Bộ Nội vụ đánh giá, rút kinh nghiệm đối với công tác tổ chức triển khai xác định Chỉ số CCHC và rà soát, nghiên cứu điều chỉnh nội dung, tiêu chí đánh giá, tỷ lệ điểm đánh giá, đối tượng khảo sát, phương thức khảo sát xác định Chỉ số CCHC cho những năm tiếp theo. Phối hợp xây dựng, triển khai áp dụng phần mềm chấm điểm Chỉ số CCHC để thực hiện việc xác định Chỉ số cải cách hành chính hàng năm chính xác, kịp thời, hiệu quả hơn, tiến tới xây dựng cơ sở dữ liệu Chỉ số CCHC của các bộ, các tỉnh.

Bộ Nội vụ báo cáo tóm tắt kết quả Chỉ số CCHC năm 2016 của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Kết quả chi tiết Chỉ số cải cách hành chính của từng bộ, từng tỉnh tại Báo cáo Chỉ số cải cách hành chính năm 2016)/.
